TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2025/DS-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Tuấn Trường;

2. Ông Nguyễn Thanh Tùng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

Ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025 về tranh chấp *"Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 86/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S;
Địa chỉ: A N, phường V, tỉnh Nghệ An;
Đại diện theo pháp luật: KANOKWATPAISAL NAPAT – Giám đốc.
Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Thạch Thị Lệ T, sinh năm 1993 – Nhân viên công ty cổ phần S;
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)
Theo giấy uỷ quyền ngày 07/01/2024.

2/ *Bị đơn*: Anh Trương Hoàng N, sinh năm 2005;
Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1981;
Địa chỉ: Khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày*:

Ngày 18/02/2025 Công ty cổ phần S (gọi tắt là Công ty) và anh Trương Hoàng N ký hợp đồng cầm cố tài sản số ATM250201013NA24X và thoả thuận thuê lại tài sản ký cùng ngày, theo đó công ty cho anh N cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số xe 63AF-06230; số khung RLHJA3937RY819456; Số máy JA70E0556204; Giấy chứng nhận đăng ký số (63) 003273 do Công an L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/02/2025; số tiền cầm cố 10.797.872,34 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng từ ngày 18/02/2025 đến ngày 18/02/2026; Lãi suất cầm cố bằng 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn bằng 7% nợ gốc chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 18/02/2025, anh N và công ty đã có ký thoả thuận thuê lại tài sản là xe đã cầm cố; thời gian thuê xe là 01 năm từ ngày 18/02/2025 đến ngày 18/02/2026; giá thuê là 583.085,11 đồng/tháng. Trường hợp khách hàng thanh toán trước hạn (trước không quá 10 ngày) đúng hạn hoặc trễ hạn không quá 05 ngày kể từ ngày phải thanh toán thì chi phí thuê tài sản sẽ được giảm còn 269.946,81 đồng/tháng. Tuy nhiên sau khi cầm cố tài sản và thuê lại xe mô tô thì anh N không thực hiện theo hợp đồng cầm cố, thoả thuận thuê tài sản, không trả nợ đúng theo cam kết và cũng không trả lại tài sản đã thuê của Công ty cho đến nay.

Như vậy, đến ngày 25/8/2025 anh N còn nợ lại Công ty số tiền vốn và lãi, phí theo hợp đồng là 15.774.618 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ P là người ký bảo lãnh cho anh N trong Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố và Thoả thuận thuê tài sản. Trong hợp đồng ghi rõ trách nhiệm của bên bảo lãnh là có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu của công ty về việc thu hồi nợ, thu hồi tài sản của khách hàng, Cam kết cùng với khách hàng cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng, Cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng các khoản nợ đến hạn, nếu khách hàng không còn khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày đến hạn theo hợp đồng.

Do quyền lợi bị xâm phạm nên Công ty yêu cầu anh N và bà P (người bảo lãnh) cùng có nghĩa vụ trả số tiền là 15.774.618 đồng. Sau ngày 25/8/2025 nếu anh N, bà P chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm trả phát sinh của hợp đồng cầm cố tài sản và thoả thuận thuê tài sản cho đến khi trả hết nợ.

Công ty tự nguyện trả bản chính giấy đăng ký xe mô tô cho anh N khi anh N, bà P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho công ty.

** Bị đơn anh Trương Hoàng N vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại phường L, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản. Căn cứ vào các Điều 309, Điêu 472 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng; bị đơn anh Trương Hoàng N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ P vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh N và bà P phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng đến ngày 25/8/2025 là 15.774.618 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch cầm cố và thuê tài sản giữa Công ty và anh N là có thật, thể hiện vào hợp đồng số ATM250201013NA24X và phụ lục hợp đồng ký ngày 18/02/2025 giữa công ty và anh Trương Hoàng N. Theo hợp đồng hai bên đã giao kết, theo đó theo đó công ty cho anh N cầm cố tài sản là 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số xe 63AF-06230; số khung RLHJA3937RY819456; Số máy JA70E0556204; Giấy chứng nhận đăng ký số (63) 003273 do Công an L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/02/2025; số tiền cầm cố 10.797.872,34 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng từ ngày 18/02/2025 đến ngày 18/02/2026; Lãi suất cầm cố bằng 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; phí quản lý hồ sơ cố định bằng 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán bằng 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn bằng 7% nợ gốc chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 18/02/2025, anh N và công ty đã có ký thoả thuận thuê lại tài sản là xe đã cầm cố; thời gian thuê xe là 01 năm từ ngày 18/02/2025 đến ngày 18/02/2026; giá thuê là 583.085,11 đồng/tháng. Trường hợp khách hàng thanh toán trước hạn (trước không quá 10 ngày) đúng hạn hoặc trễ hạn không quá 05 ngày kể từ ngày phải thanh toán thì chi phí thuê tài sản sẽ được giảm còn 269.946,81 đồng/tháng.

Tuy nhiên sau khi ký hợp đồng, anh N cũng như bà P là người bảo lãnh không thực hiện theo hợp đồng, thoả thuận đã ký kết và cũng không trả lại tài sản đã thuê

của Công ty, mặc dù Công ty đã nhiều lần tạo điều kiện, nhắc nhở nhưng anh N, bà P vẫn không thực hiện cho đến nay. Do đó, anh N, bà P là người vi phạm nghĩa vụ phải thanh toán chi phí cầm cố tài sản hàng tháng theo thỏa thuận cho Công ty, vi phạm nghĩa vụ của bên cầm cố và bên thuê tài sản được quy định tại các Điều 311, 472, 481 Bộ luật Dân sự, hiện tại anh N đang là người giữ tài sản nên Công ty khởi kiện anh N để yêu cầu trả hết số nợ vốn và lãi là 15.774.618 đồng, không yêu cầu anh N trả xe cho công ty là có cơ sở.

Bị đơn anh Trương Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng anh vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của công ty. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy anh N đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty. Việc cố tình vắng mặt là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Đối với bà Nguyễn Thị Mỹ P là người ký bảo lãnh cho anh N trong Hợp đồng cầm cố, Phụ lục hợp đồng cầm cố và Thoả thuận thuê tài sản. Trong hợp đồng ghi rõ trách nhiệm của bên bảo lãnh là có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu của công ty về việc thu hồi nợ, thu hồi tài sản của khách hàng, Cam kết cùng với khách hàng cầm cố chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng, Cam kết thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khách hàng các khoản nợ đến hạn, nếu khách hàng không còn khả năng thanh toán hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán quá 30 ngày đến hạn theo hợp đồng.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của công ty là có cơ sở, phù hợp pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận đăng ký số (63) 003273 do Công an L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/02/2025 cho anh Trương Hoàng N, công ty tự nguyện trả cho anh N khi anh N thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho công ty nên ghi nhận.

[5]. Về án phí: Anh N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 309, 311, 472, 481 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc anh Trương Hoàng N và bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng cộng số tiền nợ là 15.774.618 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh N, bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số ATM250201013NA24X ký ngày 18/02/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Ghi nhận sự tự nguyện của công ty trả cho anh Trương Hoàng N bản chính giấy đăng ký xe số (63) 003273 do Công an L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 12/02/2025 cho anh N khi anh N thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí:

- Buộc anh Trương Hoàng N phải chịu 788.731 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001435 ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang (nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp).

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh ĐT;
- VKSND.KV2;
- THADS.tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thu Thảo